TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN
*Bản án số: **01**/2018/DSST*
Ngày 01/6/2018
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đôc lâp – Tư do – Hanh phúc

NHÂN DANH

N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ □N NHÂN DÂN HUY□N NGH□A □ÀN - T□NH NGH□ AN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**: Ông Phan Quang Sơn.**
Các hội thẩm nhân dân**:** **Ông Vi Văn Tiệp**
Ông Phan Văn Hiển

Th- ký ghi biên bản phiên toà: **Bà Hoàng Thị Lan** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Nghĩa Đàn - Tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn - Tỉnh Nghệ An: **Bà Trần Thị Thu Hiền -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Đàn - Tỉnh Nghệ An. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2017/TLST - DS ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX-DS ngày 27/3/2018 giữa các đ- ơng sự:

- Nguyên đơn: anh Trần Văn Đ – Sinh năm 1974 (có mặt)
Địa chỉ: Xóm Sơn T - xã Nghĩa S - Nghĩa Đàn - Nghệ An.
- Bị đơn: Chị Văn Thị S tên gọi khác**:** Sơ - Sinh năm 1980 (có mặt)
Anh Phan Thành T **-** sinh năm 1978 (có mặt)
Đều trú tại: Xóm Khe Y - Xã Nghĩa L - Nghĩa Đàn - Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tại bản khai và tại phiên tòa hôm nay anh Trần Văn Đ trình bày: Vào ngày 14/2/2016 vợ chồng chị Văn Thị S và anh Phan Thành T có đến gia đình anh Đ đặt vấn đề vay tiền. Lần 1 vay 15 triệu đồng, lần 2 vay 150 triệu đồng, lần 3 vay 60 triệu đồng. Tổng cộng 3 lần vay là 225 triệu đồng. Lãi suất vay là 1%/tháng. Trong thời gian này anh T và chị S đã trả cho anh Đ lãi là 46 triệu đồng. Tính đến thời điểm anh Đ làm đơn khởi kiện (20 tháng 10 năm 2017) thì vợ chồng anh T chị S còn nợ anh số tiền 308 triệu đồng. Nay anh đề nghị tịch thu bảng l- ơng của anh T để đảm bảo cho việc trả nợ.

Bị đơn chị Văn Thị S trình bày: Tr- ớc ngày 28 tháng 4 năm 2017 cụ thể vào năm 2016 chị có vay của anh Trần Văn Đ 03 lần tiền, lần 1 vay 15 triệu đồng; lần 2 vay 150 triệu đồng, lần 3 vay số tiền 60 triệu đồng. Ba lần vay tổng cộng số tiền là 225 triệu đồng. Trong thời gian đó chị đều trả lãi đều cho anh Đ cho đến tháng 12 âm lịch của năm 2016 thì chị không có khả năng trả lãi nữa nên xin khất anh Đ ra năm 2017 sẽ trả. Trong thời gian này anh Đ liên tục chửi và đe dọa, hành hung làm chị phải nằm viện còn anh T chồng chị thì bị dọa giết. Vì lo sợ nên ngày 28 tháng 4 năm 2017 chị đã xuống nhà anh Đ viết giấy nhận nợ với số tiền gốc là 225 triệu đồng và lãi suất 83.160.000 nghìn đồng, tổng cộng là 308.160.000đ (ba trăm linh tám triệu một trăm sáu m- ơi nghìn đồng). Theo chị, anh Đ tính lãi suất vay là 1 triệu tiền gốc thì một ngày lấy 3 nghìn tiền lãi. Ngày 12 tháng 5 năm 2017 anh Đ đ- a ng- ời ra tr- ờng đòi hành hung anh T và khoảng 10 giờ cùng ngày anh Đ đã xuống bệnh viện nơi chị điều trị tìm chị để hành hung nh- ng chị đã trốn thoát. Ngày 13 tháng 5 năm 2017 chị và chồng là anh T đã xuống nhà anh Đ th- ơng l- ợng xin giảm tiền gốc xuống và anh Đ bắt ghi giấy nợ là 250.000.000đ và bắt chồng chị là anh Phan Thành T viết giấy nợ, hẹn đến ngày 15 tháng 8 năm 2017 sẽ trả 20.000.000đ, đến ngày 15 tháng 12 năm 2017 sẽ trả tiếp 20.000.000đ. Số tiền còn lại hẹn đến ngày 15 tháng 5 năm 2018 sẽ trả hết. Nh- ng đến ngày 14 tháng 8 năm 2017 thì chị S bị bệnh tim nên phải đi cấp cứu tại Hà Nội nên mới đ- a tr- ớc cho anh Đ 10.000.000đ. Tr- ớc đó ngày 13 tháng 4 năm 2017 chị có chuyển khoản cho anh Đ số tiền 30.000.000đ, ngày 26 tháng 12 năm 2016 âm lịch chị có trả cho vợ anh Đ số tiền 6.000.000đ, tổng cộng đã trả cho anh Đ là 46.000.000đ. Nay theo chị S thì vợ chồng chị nợ của anh Đ là 179.000.000đ (một trăm bảy m- ơi chín triệu đồng).

Anh Phan Thành T trình bày: Số tiền mà vợ anh là chị S vay của anh Đ thì anh không biết gì đến khi sự việc làm ăn đổ bể thì vợ anh mới nói với anh là vay của anh Đ số tiền 225.000.000đ. Sau đó anh Đ kéo ng- ời vào tr- ờng hành hung anh nên anh phải vào nhà anh Đ để thỏa thuận trả nợ thay cho vợ nên anh viết giấy vay nợ là 250.000.000đ và hứa trong vòng một năm sẽ trả hết và anh hứa đến ngày 15 tháng 8 năm 2017 trả cho anh Đ 20.000.000đ nh- ng do vợ đau đột ngột nên mới đ- a tr- ớc cho anh Đ 10.000.000đ nên anh Đ đã làm đơn khởi kiện vợ chồng anh. Tr- ớc đó vợ chồng anh đã trả cho anh Đ 36.000.000đ vì vậy theo anh vợ chồng anh còn nợ của anh Trần Văn Đ số tiền 179.000.000đ và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại bản khai bổ sung ngày 04 tháng 4 năm 2018 chị Văn Thị S trình bày thêm: trong khoản vay 15 triệu đồng mỗi tháng chị phải trả cho anh Đ số tiền lãi 1.350.000đ. Khoản vay 150 triệu đồng thì hai tuần chị phải trả lãi cho anh Đ số tiền 6.750.000đ/ lần. Khoản vay 60 triệu đồng thì hai tuần chị cũng phải trả cho anh Đ tiền lãi là 2.700.000đ/lần. Cứ thế

mỗi tháng chị S phải trả cho anh Đ tiền lãi cho cả ba khoản vay là 20.250.000đ. Chị đã trả từ tháng 02 đến tháng 12 năm 2016 âm lịch thì không có khả năng trả lãi nữa nên xin khất anh Đ nh- ng anh Đ không cho. Nay chị đề nghị anh Đ đem các tờ giấy vay gốc mà chị đã viết và kí vay nợ của anh Đ ra tr- ớc tòa. Ngày 09 tháng 4 năm 2018, anh Trần Văn Đ đã đến nộp bổ sung 04 tờ giấy vay tiền gốc có chữ ký của ng- ời vay là Văn Thị S.

Có mặt tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa phiên tòa và của Hội đồng xét xử đã làm đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ các quy định của pháp luật, đúng thời gian và trình tự thu thập chứng cứ của đ- ơng sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc bị đơn phải trả số tiền gốc 225 triệu đồng và tiền lãi suất tính theo quy định của pháp luật. Về án phí, buộc bị đơn chịu án phí theo án phí có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào lời trình bày của đ- ơng sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng nh- tại phiên toà hôm nay thì thấy giữa anh Trần Văn Đ và chị Văn Thị S có xác lập 04 giấy vay tiền, một giấy vay ngày 14 tháng 3 năm 2016 có nội dung là "Tôi Văn Thị S trú tại Xóm 13, Nghĩa L, Nghĩa Đàn, Nghệ An có vay của anh Đ Ph- ợng trú tại Xóm Sơn T, Nghĩa S, Nghĩa Đàn, Nghệ An số tiền 15.000.000đ" không hẹn ngày trả; một giấy vay tiền đề ngày 22 tháng 9 năm 2016 với nội dung "Tôi là Văn Thị S trú tại xóm 13 Khe , Nghĩa L, Nghĩa Đàn, Nghệ An có vay của anh Đ Ph- ợng địa chỉ xóm Sơn T, Nghĩa S, Nghĩa Đàn, Nghệ An số tiền 60 triệu đồng, hẹn trong vòng 15 ngày kể từ ngày vay sẽ trả đủ cả số tiền gốc và lãi"; một giấy vay ngày 14 tháng 10 năm 2016 với nội dung "Tôi là Văn Thị S trú tại xóm 13 khe Y, Nghĩa L có vay của anh Đ Ph- ợng địa chỉ xóm Sơn T, xã Nghĩa S, Nghĩa Đàn, Nghệ An số tiền 90 triệu đồng hẹn trong vòng 15 ngày kể từ ngày vay sẽ trả đủ cả gốc và lãi"; một giấy vay đề ngày 17 tháng 10 năm 2016 với nội dung "Tôi Văn Thị S trú tại xóm 13 Khe Y, Xã Nghĩa L, Nghĩa Đàn có vay của anh Đ Ph- ợng địa chỉ xóm Sơn T, Nghĩa S, Nghĩa Đàn số tiền 60 triệu đồng hẹn trong vòng 07 ngày kể từ ngày vay sẽ trả đủ cả gốc và lãi". Tổng cộng cả 04 lần vay này thì chị Văn Thị S đã vay của anh Trần Văn Đ 225.000.000đ (hai trăm hai m- ơi lăm triệu đồng). Ngoài ra trong quá trình làm đơn khởi kiện, nguyên đơn anh Trần Văn Đ có giao nộp 02 tờ giấy vay tiền

với nội dung "hôm nay ngày 28 tháng 4 năm 2016 tôi là Văn Thị S trú tại xóm 13 Khe Y, Nghĩa L, Nghĩa Đàn có vay của anh chị Đ Ph- ợng trú tại xóm Sơn T, Nghĩa L, Nghĩa Đàn số tiền 308.000.000đ (ba trăm linh tám triệu đồng chẵn, hẹn 20 ngày sau trả thêm cho anh Đ 20.000.000đ, số tiền còn lại thì cho em trả dần, ba tháng là trả 20 triệu cứ thế trả cho đến khi nào hết số tiền trên. Nếu sai hẹn tôi xin chịu hoàn toàn tr- ớc pháp luật ng- ời ký vay là Văn Thị S"); 01 giấy vay đề ngày 13 tháng 5 năm 2017 có nội dung "người vay tiền Phan Thành T địa chỉ xóm Khe Y, Nghĩa L, Nghĩa Đàn, Nghệ An số chứng minh th- 18234xxx có vay của cửa hàng cầm đồ Đ Ph- ợng với số tiền là 250.000.000đ, số tiền trên với lãi suất là "không" được tính từ ngày 13 tháng 5 năm 2017 cho đến ngày 13 tháng 5 năm 2018, đến ngày 15 tháng 5 năm 2017 trả tr- ớc 20 triệu, ng- ời ký vay là Phan Thành T". Qua các lời khai, trình bày của các đ- ơng sự, thu thập chứng cứ tài liệu, đối chất tại phiên tòa thì thấy rằng, đối với nguyên đơn anh Trần Văn Đ thì thực tế anh Đức có cho chị Văn Thị S vay tổng cộng 04 lần tiền từ ngày 14 tháng 3 năm 2016 đến ngày 17 tháng 10 năm 2016 là 225 triệu tiền gốc hai bên có thỏa thuận bằng miệng là tính lãi suất, với lãi suất vay 01 triệu đồng là 03 nghìn đồng/ngày. Quá trình vay thì chị S có trả cho anh Đ 03 lần tiền với số tiền là ngày 27 tháng 12 năm 2016 AL tức ngày 24/01/2017 số tiền 06 triệu đồng; ngày 13/4/2017 chuyển khoản cho anh Đ 30 triệu đồng; ngày 14 tháng 8 năm 2017 anh Đ nhận 10 triệu đồng. Tổng cộng 03 lần chị S trả cho anh Đ là 46 triệu đồng. Sau khi đã trừ đi 46 triệu tiền lãi mà chị S đã trả cho anh Đ thì theo anh Đ đến thời điểm khởi kiện chị S còn nợ anh Đ số tiền 308 triệu đồng. Còn đối với chị Văn Thị S thì thấy rằng: Do nhu cầu cần vốn làm ăn nên chị đã 04 lần vay của anh Trần Văn Đ với số tiền tổng cộng 225 triệu đồng, lãi suất thỏa thuận 1 triệu là 3 nghìn đồng/ngày. Chị trả lãi từ đầu tháng 2 năm 2016 đến tháng 12 âm lịch năm 2016 thì không có khả năng trả nợ nữa nên xin khất anh Đ. Chị S cũng trình bày thêm rằng việc chị ký vào khoản nợ 308 triệu đồng là do anh Đ hành hung và ép ký còn anh T chồng chị S cũng cho rằng anh không biết việc gì về việc vợ nợ anh Đ, đến khi sự việc vỡ nợ thì chị S mới báo cho anh biết và anh đã nhận nợ thay cho vợ với số tiền 250 triệu đồng. Ngoài ra cả anh T và chị S cho rằng anh chị đã trả cho anh Đ số tiền 46 triệu đồng là tiền gốc trong tổng số tiền 225 triệu là không có cơ sở vì căn cứ vào các giấy tờ vay tiền và các giấy tờ trả nợ của chị S đối với anh Đ thì thấy rằng: chị S vay tiền 15 triệu đồng của anh Đ vào ngày 14/3/2016; vay số tiền 60 triệu đồng vào ngày 22 tháng 9 năm 2016; vay số tiền 90 triệu đồng vào ngày 14 tháng 10 năm 2016; vay số tiền 60 triệu đồng vào ngày 17/10/2016 còn các giấy tờ thể hiện chị S trả nợ cho anh Đ nh- sau: ngày 27/12/2016 AL tức ngày 24/01/2017 trả 6 triệu đồng, ngày 13/4/2017 trả 30 triệu đồng, ngày 14/8/2017 trả 10 triệu đồng, nh- vậy là sau khi vay số tiền 225 triệu đồng thì chị S mới tiến hành trả số tiền 46 triệu

đồng cho anh Đ vì vậy đây đ- ợc xem là việc chị S trả lãi cho số tiền mình vay anh Đ. Tuy nhiên trong các giấy tờ vay, giữa chị S và anh Đ không thỏa thuận lãi suất vì vậy cần căn cứ vào các điều 477 và điều 478 BLDS năm 2005 để xác định lãi. Căn cứ vào các giấy vay tiền giữa chị S và anh Đ thì có 03 lần vay các bên đều hẹn ngày trả đó là lần vay ngày 17/10/2016 số tiền 60 triệu đồng, lần vay ngày 14/10/2016 số tiền 90 triệu đồng, lần vay ngày 22/9/2016 số tiền 60 triệu đồng, còn lần vay ngày 14/3/2016 vay số tiền 15 triệu đồng nh- ng hai bên không xác định ngày trả nợ. Tại khoản 2 điều 477 nêu rõ: "Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nh- ng phải báo tr- ớc cho bên vay một thời gian hợp lý và đ- ợc trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản…"; Tại khoản 2 điều 478 nêu rõ: "Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản tr- ớc kỳ hạn nh- ng phải trả toàn bộ lãi theo kỳ hạn, nếu không có thỏa thuận khác". Về vấn đề tính lãi suất thì căn cứ vào khoản 2 điều 476 BLDS năm 2005 quy định: Trong tr- ờng hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nh- ng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà n- ớc công bố t- ơng ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ. Nh- vậy hợp đồng giữa anh Đ và chị S là hợp đồng vay tài sản (tiền) có lãi suất nh- ng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất. Căn cứ vào các giấy tờ vay thì xác định số tiền lãi của chị S nợ anh Đ đến thời điểm xét xử nh- sau: đối với số tiền vay 15 triệu đồng là khoản vay không kỳ hạn, ngày vay 14/3/2016 đến thời điểm ngày 01/6/2018 là 808 ngày, lãi suất Nhà n- ớc hiện tại quy định đối với vay trung hạn và dài hạn là 0,92%/ tháng vậy lãi suất là 3.716.800đ. Đối với số tiền vay 60 triệu đồng ngày vay 22/9/2016, ngày hẹn trả là ngày 07/10/2016 (15 ngày) lãi trong hạn 276.000đ, lãi đến thời điểm ngày 01/6/2018 là 623 ngày, lãi suất nhà n- ớc quy định quá hạn không quá 150%, vậy lãi suất là 1,38%/tháng, vậy tiền lãi quá hạn là 17.194.800đ. Đối với số tiền vay 90 triệu đồng ngày vay là ngày 14/10/2016, ngày hẹn trả là ngày 29/10/2016 (15 ngày) lãi trong hạn 414.000đ, lãi suất đến thời điểm ngày 01/6/2018 là 579 ngày, lãi suất nhà n- ớc quy định 0,92%/tháng, vậy lãi suất quá hạn là 23.970.600đ. Đối với số tiền vay 60 triệu đồng ngày vay 17/10/2016, ngày hẹn trả 24/10/2016 (07 ngày) lãi trong hạn 128.800đ, lãi suất đến ngày 01/6/2018 là 584 ngày, lãi suất nhà n- ớc quy định 0,92%/tháng, vậy lãi suất quá hạn là 16.118.400đ. Tổng cộng lãi suất của 04 khoản vay mà chị S vay anh Đ tính đến thời điểm hiện tại là 61.819.400đ

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Đ đã nhiều lần đòi nợ chị S nh- ng chị S không trả vì vậy chị S đã vi phạm hợp đồng không trả nợ đúng kỳ hạn. Chị S khai vay của anh Đ 225.000.000đ, đã trả đ- ợc 46 triệu đồng nay chỉ còn 179 triệu tiền gốc chứ không

phải số tiền 308.000.000đ nh- anh Đ khởi kiện. Hội đồng xét xử thấy các căn cứ mà chị S đ- a ra không có căn cứ, vì sau khi thực hiện 04 lần vay tiền vào năm 2016 thì đến năm 2017 chị S mới tiến hành trả tiền cho anh Đ 03 lần tổng cộng 46 triệu đồng vì vậy buộc chị Văn Thị S thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi cho anh Trần Văn Đ sau đó còn lại từng nào thì khấu trừ vào tiền nợ cho chị S là có căn cứ. Tuy nhiên, căn cứ vào 04 tờ giấy vay tiền lập giữa chị S và anh Đ thì thấy rằng số tiền gốc là 225 triệu đồng chứ không phải 308 triệu nh- anh Đ khởi kiện ban đầu. Tiền lãi của cả 04 lần vay tính đến ngày xét xử là 61.819.400đ. Chị S và anh T đã trả lãi đ- ợc 46.000.000đ, lãi còn lại đến ngày xét xử là 15.819.400đ. Nh- vậy tổng cộng cả gốc và lãi chị S nợ anh Đ đến ngày 01/6/2018 là 240.819.400đ.

Đối với việc anh Đ khởi kiện anh Phan Thành T chồng chị S là có căn cứ vì trong các hợp đồng vay tiền chỉ một mình chị S và anh Đ giao kết hợp đồng. Tuy nhiên sau khi vay tiền, chị S đã thông báo cho anh anh T biết về số nợ và bản thân anh T cũng ký xác nhận số nợ trên cho vợ mình, vả lại anh T là chồng của chị S đang trong thời kỳ hôn nhân vì vậy đây đ- ợc xem là nợ chung của vợ chồng cho nên việc anh Đ khởi kiện vợ chồng anh T chị S trả nợ cho anh Đ là có căn cứ. Vì vậy cần buộc vợ chồng anh T chị S phải có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay tài sản cho anh Trần Văn Đ. Thời điểm xác lập hợp đồng vay giữa chị S và anh Đ là trong năm 2016 vì vậy căn cứ vào điểm c khoản 1 điều 688 BLDS năm 2015 h- ớng dẫn để áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án này.

Về án phí: Buộc đ- ơng sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

□p dụng điều 471, 474, 476, 477, 478, 305 - Bộ luật dân sự năm 2005; điều 147- Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án xử: buộc vợ chồng chị Văn Thị S và anh Phan Thành T phải trả cho anh Trần Văn Đ số tiền gốc là: 225.000.000đ (hai trăm hai lăm triệu đồng) và số tiền lãi là 61.819.400đ,đã trả tiền lãi đ- ợc 46 triệu đồng, lãi còn lại 15.819.400đ. Tổng cộng buộc chị Văn Thị S và anh Phan Thành T phải trả nợ cho anh Trần Văn Đ cả gốc và lãi là 240.819.400đ.

Về án phí: Buộc chị Văn Thị S và anh Phan Thành T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.040.970đ (m- ời hai triệu không trăm bốn m- ơi nghìn chín trăm bảy m- ơi đồng). Trả lại cho anh Trần Văn Đ số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 8.791.000đ (tám triệu bảy trăm chín m- ơi mốt nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số 00045xx ngày 06/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đàn.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, khoản tiền người phải thi hành án nhưng chưa thi hành xong còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

□n xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết đ- ợc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận
VKSND huyện Nghĩa Đàn
VKSND tỉnh Nghệ An
TAND tỉnh Nghệ An
Chi cục THADS Nghĩa Đàn
Các đ- ơng sự
L- u VP.

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phan Quang Sơn